

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRONG CÙNG MỘT ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số: 479 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Địa bàn	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Tại các Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 387/QĐ-UBND ngày 10/7/2023; 652/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 331/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
I	Huyện Phú Thiện				0,0	0,0	0,0			
1	Dự án điều chỉnh giảm	14.539,0	2.619,0	11.920,0	-5.528,0	-248,0	-5.280,0	9.011,0	2.371,0	6.640,0
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.200,0	1.280,0	11.920,0	-5.280,0	0,0	-5.280,0	7.920,0	1.280,0	6.640,0
	Tiểu dự án 2- Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	1.339,0	1.339,0	0,0	-248,0	-248,0	0,0	1.091,0	1.091,0	0,0
2	Dự án điều chỉnh tăng	38.972,0	38.972,0	0,0	5.528,0	248,0	5.280,0	44.500,0	39.220,0	5.280,0
	Tiểu dự án 1- Dự án 4 Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	38.972,0	38.972,0	0,0	5.528,0	248,0	5.280,0	44.500,0	39.220,0	5.280,0
II	Huyện Đak Pơ				0,0	0,0	0,0			
1	Dự án điều chỉnh giảm	15.810,0	5.615,0	10.195,0	-2.910,0	0,0	-2.910,0	12.900,0	5.615,0	7.285,0
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	15.810,0	5.615,0	10.195,0	-2.910,0		-2.910,0	12.900,0	5.615,0	7.285,0
2	Dự án điều chỉnh tăng	2.104,0	1.438,0	666,0	2.910,0	0,0	2.910,0	5.014,0	1.438,0	3.576,0

ST T	Địa bàn	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Tại các Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 387/QĐ-UBND ngày 10/7/2023; 652/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 331/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	2.104,0	1.438,0	666,0	2.910,0		2.910,0	5.014,0	1.438,0	3.576,0
III	Huyện Ia Pa				0,0	0,0	0,0			
1	Dự án điều chỉnh giảm	28.083,0	9.249,0	18.834,0	-4.996,0	-1.682,0	-3.314,0	23.087,0	7.567,0	15.520,0
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	25.489,0	6.655,0	18.834,0	-3.314,0	0,0	-3.314,0	22.175,0	6.655,0	15.520,0
	Tiểu dự án 2- Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	2.594,0	2.594,0	0,0	-1.682,0	-1.682,0		912,0	912,0	0,0
2	Dự án điều chỉnh tăng	61.764,0	61.764,0	0,0	4.996,0	1.682,0	3.314,0	66.760,0	63.446,0	3.314,0
	Tiểu dự án 1- Dự án 4 Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	61.764,0	61.764,0	0,0	4.996,0	1.682,0	3.314,0	66.760,0	63.446,0	3.314,0
IV	Huyện Krông Pa				0,0	0,0	0,0			
1	Dự án điều chỉnh giảm	36.565,0	21.152,0	15.413,0	-6.761,0	-4.312,0	-2.449,0	29.804,0	16.840,0	12.964,0
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	30.853,0	15.440,0	15.413,0	-2.449,0		-2.449,0	28.404,0	15.440,0	12.964,0
	Tiểu dự án 2- Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	5.712,0	5.712,0		-4.312,0	-4.312,0	0,0	1.400,0	1.400,0	0,0
2	Dự án điều chỉnh tăng	100.630,0	99.964,0	666,0	6.761,0	4.312,0	2.449,0	107.391,0	104.276,0	3.115,0

ST T	Địa bàn	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Tại các Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 387/QĐ-UBND ngày 10/7/2023; 652/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 331/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
	Tiểu dự án 1- Dự án 4 Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	98.526,0	98.526,0		2.449,0		2.449,0	100.975,0	98.526,0	2.449,0
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	2.104,0	1.438,0	666,0	4.312,0	4.312,0	0,0	6.416,0	5.750,0	666,0
V	Huyện Chư Sê				0,0	0,0	0,0			
1	Dự án điều chỉnh giảm	18.090,0	7.100,0	10.990,0	-9.966,0	-3.372,0	-6.594,0	8.124,0	3.728,0	4.396,0
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	18.090,0	7.100,0	10.990,0	-9.966,0	-3.372,0	-6.594,0	8.124,0	3.728,0	4.396,0
2	Dự án điều chỉnh tăng	20.953,0	20.953,0	0,0	9.966,0	3.372,0	6.594,0	30.919,0	24.325,0	6.594,0
	Tiểu dự án 1- Dự án 4 Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	20.953,0	20.953,0	0,0	9.966,0	3.372,0	6.594,0	30.919,0	24.325,0	6.594,0
VI	TP. Pleiku				0,0	0,0	0,0			
1	Dự án điều chỉnh giảm	2.103,0	1.805,0	298,0	-983,0	-685,0	-298,0	1.120,0	1.120,0	0,0

ST T	Địa bàn	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Tại các Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 387/QĐ-UBND ngày 10/7/2023; 652/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 331/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (1)	2.103,0	1.805,0	298,0	-983,0	-685,0	-298,0	1.120,0	1.120,0	0,0
2	Dự án điều chỉnh tăng	1.953,0	1.335,0	618,0	983,0	685,0	298,0	2.936,0	2.020,0	916,0
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	1.953,0	1.335,0	618,0	983,0	685,0	298,0	2.936,0	2.020,0	916,0

(1) Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 của Thành phố Pleiku được điều chỉnh tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2; số liệu sau điều chỉnh thể hiện tại Phụ lục 2